TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **422**/2026/HS-ST
Ngày: 27/5/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Đỗ Thúy Anh;
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà Lê Thị Hạnh;
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hường

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Duyên, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 350/2026/HSST ngày 23 tháng 04 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 371/2026/QĐXXST-HS ngày 28/4/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2026/QĐST-HPT ngày 19/5/2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Ánh D, sinh năm 1996** - Giới tính: Nam.
CCCD số: 03609600xxxx
Tên gọi khác: Không.
Nơi thường trú: Xóm Đ, xã N, tỉnh Ninh Bình
Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không.
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.
Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.
Họ và tên bố: Phạm Văn Q - Sinh năm: 1957
Họ và tên mẹ: Trần Thị N - Sinh năm: 1970
Vợ: Lê Thùy T – Sinh năm: 1997
Có 01 con sinh năm 2023
Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai.
Tiền án, tiền sự: Không
Bị cáo bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 07/01/2026. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn D1, sinh năm 1996** - Giới tính: Nam.

CCCD số: 03009600xxxx

Tên gọi khác: Không.

Nơi thường trú: Số nhà E, tổ A, phường T, tỉnh Sơn La.

Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Họ và tên bố: Nguyễn Văn D2 - sinh năm 1975

Họ và tên mẹ: Trần Thị H - sinh năm 1977

Gia đình có hai anh em, bị cáo là con lớn.

Tiền án, tiền sự: 01 tiền án

- Ngày 23/01/2024, tại Bản án số 14/2024/HSST, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Hà Nội xử phạt 28 tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Ra trại ngày 30/9/2025, nộp án phí ngày 19/2/2024 (chưa được xóa án tích).

Bị cáo bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 07/01/2026. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H.

3. Họ và tên**: Trần Tuấn A, sinh năm 2000** - Giới tính: Nam.

CCCD số: 03620001xxxx

Tên gọi khác: Không.

Nơi thường trú: Số D C, phường N, tỉnh Ninh Bình

Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Họ và tên bố: Trần Mạnh H1 - sinh năm 1970.

Họ và tên mẹ: Cao Thị T1 - sinh năm 1973.

Gia đình có hai chị em, bị cáo là con thứ hai.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 07/01/2026. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H.

4. Họ và tên: **Nguyễn Hồng Q1, sinh năm 1996** - Giới tính: Nam.

CCCD số: 00109601xxxx

Tên gọi khác: Không.

Nơi thường trú: Số A hẻm B ngách C ngõ F Hồ T, phường P, thành phố Hà Nội.

Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Họ và tên bố: Nguyễn Đình Q2 - Đã chết.

Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị N1 - Sinh năm: 1960

Gia đình có 5 anh em, bị cáo là con út.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 06/01/2026, tạm giữ từ ngày 07/01/2026. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H.

5. Họ và tên: **Nguyễn Quang T2, sinh năm 1993** - Giới tính: Nam.

CCCD số: 00109301xxxx

Tên gọi khác: Không.

Nơi thường trú: Tổ A phường P, thành phố Hà Nội.

Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Họ và tên bố: Nguyễn Quang T3 - sinh năm 1963.

Họ và tên mẹ: Lê Thị T4 - sinh năm 1964.

Vợ: Nguyễn Thị Như Q3 - sinh năm: 1993.

Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 26/4/2019, tại Bản án số 69/2019/HSST, Tòa án nhân dân quận H, Hà Nội xử phạt 15 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Ngày 27/8/2019, tại Bản án số 636/2019/HSPT, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phúc thẩm tuyên phạt 15 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Ra trại ngày 12/3/2021, nộp án phí ngày 07/8/2020 (đã xóa án tích).

Bị cáo bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 07/01/2026. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H.

Các bị cáo đều có mặt tại phiên toà.

- Người bào chữa cho các bị cáo:

+ *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn D1:* Bà Trần Thị Bích N2, ông Nguyễn Bá H2, bà Nguyễn Thị Việt M, luật sư thuộc Công ty L1, đoàn luật sư thành phố H. Địa chỉ: Tầng D, số A đường T, phường P, thành phố Hà Nội. *Bà N2 có mặt.*

+ *Người bào chữa cho bị cáo Trần Tuấn A:* Ông Lê Anh N3, ông Bùi Thiên Ấ, ông Nguyễn Văn T5, luật sư thuộc Công ty L2, đoàn luật sư thành phố H. Địa chỉ: Số F đường L, phường L, thành phố Hà Nội. *Ông N3 có mặt.*

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

+ **Bà Nguyễn Thị N1 (mẹ bị cáo Nguyễn Hồng Q1), sinh năm: 1964**, Nơi thường trú: Số A hẻm B ngách C ngõ F Hồ T, phường P, thành phố Hà Nội. *Có mặt*

+ **Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1988**. Nơi thường trú: Thôn L, xã P, thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 50 phút ngày 06/01/2026, Tổ công tác Đội 3 - Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an thành phố H phối hợp với Công an phường C, Hà Nội tiến hành kiểm tra hành chính tại Phòng 305 số nhà A T, phường C, Hà Nội phát hiện Nguyễn Văn D1 và Trần Tuấn A có biểu hiện nghi vấn sử dụng trái phép chất ma túy. Quá trình kiểm tra phát hiện trên miệng của Trần Tuấn A có dính tinh thể màu trắng, Tổ công tác đã dùng 01 đoạn băng dính lấy dấu vết, bụi dính trên miệng và 03 tăm bông lấy dịch trong miệng, mũi của Trần Tuấn A (Bút lục 131).

Ngoài ra, Cơ quan công an đã thu giữ (Bút lục 133, 271):

+ 02 đĩa sứ màu trắng, 03 thẻ cứng, 02 ống nhựa, 01 loa màu đen, 01 đèn màu trắng; 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 1000 đồng.

+ 01 điện thoại di động Iphone màu hồng số điện thoại 098658xxxx; 01 điện thoại di động Iphone màu trắng số điện thoại 097128xxxx của Nguyễn Văn D1

+ 01 điện thoại Iphone màu xám, số điện thoại 081539xxxx của Trần Tuấn A.

Kết luận giám định số 595/KL-KTHS, ngày 16/01/2026 của Phòng K (PC09) - Công an thành phố H kết luận (Bút lục 139):

-"01 tờ tiền mệnh giá 10.000 VNĐ, 01 tờ tiền mệnh giá 1000 VNĐ; 03 thẻ cứng và 02 ống nhựa đều dính ma túy loại Ketamine;

- 02 đĩa sứ màu trắng đều không dính chất ma túy.

- 01 băng dính dùng lấy dấu vết, bụi dính trên miệng (của Trần Tuấn A) có ma túy loại Ketamine;

- 03 tăm bông dùng lấy dịch trong mũi, miệng (của Trần Tuấn A) đều có ma túy loại Ketamine".

Mở rộng điều tra vụ án, hồi 22 giờ 50 phút cùng ngày, Tổ công tác tiến hành tuần tra kiểm soát địa bàn phường C phát hiện Nguyễn Hồng Q1 điều khiển xe mô tô Honda Vision màu xanh BKS: 29P1-xxx.xx dừng đỗ trước số A T, Cầu G, Hà Nội có biểu hiện nghi vấn. Quá trình kiểm tra, Tổ công tác đã phát hiện, thu giữ 01 hộp diêm bên trong có 02 túi nilong màu trắng chứa tinh thể màu trắng và 03 viên nén màu vàng trong túi quần bên trái phía trước Q1 đang mặc. Q1 khai nhận đây là ma tuý tổng hợp Q1 đem đi giao cho khách mua, ngoài ra trước đó Q1 đã giao ma túy cho Nguyễn Quang T2 tại đầu ngõ B đường

C, Hà Nội. Cơ quan công an đã tiến hành lập biên bản tạm giữ, niêm phong tang vật và đưa người liên quan về trụ sở làm việc (Bút lục 47).

Cơ quan công an đã thu giữ của Nguyễn Hồng Q1 (Bút lục 50):

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu xanh, BKS: 29P1-xxx.xx.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh đã qua sử dụng.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen.

Cơ quan công an đã thu giữ của Nguyễn Quang T2 (Bút lục 337):

- 01 điện thoại Iphone 15 Promax màu titan sim số 088965xxxx.

Kết luận giám định số 593/KL-KTHS, ngày 16/01/2026 của Phòng K (PC09) - Công an thành phố H kết luận (Bút lục 56):

- Tinh thể màu trắng bên trong 02 túi nilông đều là ma túy loại Ketamine, tổng khối lượng 1,522 gam;
- 03 viên nén màu vàng, đều là ma túy loại MDMA, tổng khối lượng 1,228 gam.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn D1, Phạm Ánh D, Trần Tuấn A, Nguyễn Hồng Q1 và Nguyễn Quang T2 không thu giữ đồ vật, tài liệu liên quan đến vụ án.

Quá trình điều tra xác định:

*** Về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy**

Phạm Ánh D và Trần Tuấn A là bạn cùng quê, cùng góp vốn mở cửa hàng bán điện thoại. Thông qua mối quan hệ xã hội, Dương quen Nguyễn Văn D1 làm công việc đáo hạn thẻ ngân hàng tại phòng 3xx số A T, phường C, Hà Nội. D và Tuấn A, D và D1 đã một số lần cùng nhau sử dụng ma túy. Khoảng tháng 12/2025, D được một người khách nam mua điện thoại (không xác định được nhân thân, lai lịch) cho 01 gói ni lông kích thước khoảng 2x2cm bên trong có ma túy Ketamine; D cất giấu vào góc nhà vệ sinh ở cửa hàng số E X, Cầu G, Hà Nội để sử dụng. Khoảng 15 giờ ngày 06/01/2026, D rủ Tuấn A sang văn phòng của D1 để sử dụng ma túy, Tuấn A đồng ý. Sau đó, D lấy gói ma túy Ketamine (cất giấu trong nhà vệ sinh), điều khiển xe mô tô Honda Vision BKS: 22S1-xxx.xx chở Tuấn A sang văn phòng của D1 tại phòng 305 số A T để cùng sử dụng ma túy. Khi đến nơi, D, Tuấn A và D1 vào phòng trong ngồi uống nước, nghe nhạc. Tại đây, D lấy gói ma túy đưa cho D1 cầm và cất vào trong hộp để trên bàn. Đến khoảng 15 giờ 45 phút cùng ngày, khi nhân viên của D1 tan làm đi về, D1 lấy 01 đĩa sứ màu trắng mang vào phòng và lấy 01 ống nhựa màu trắng, 01 thẻ cứng màu đen (dạng thẻ ngân hàng) để sử dụng ma túy. D1 đổ gói ma túy (D đưa cho D1) ra đĩa, dùng bật lửa hơ nóng đĩa để xào Ketamine và kẻ sẵn thành 02 đường đưa cho D sử dụng, sau đó D1 đi ra phòng ngoài. Dương cầm đĩa Ketamine, lấy ống nhựa hít một đường Ketamine, rồi đưa cho Tuấn A

sử dụng. Sau khi sử dụng, Tuấn A kẻ tiếp 02 đường Ketamine đưa cho D tiếp tục sử dụng, sau đó D để đĩa ma túy xuống bàn. Lúc này D1 đi vào lấy đĩa Ketamine để sử dụng. Sau đó D1 lấy gói ma túy của D1 (được một người nam giới không xác định được nhân thân lai lịch cho tại quán bar) tiếp tục đổ ra đĩa để mọi người sử dụng. Đến khoảng 16 giờ 20 phút cùng ngày, D đi về trước. Khoảng 17 giờ 40 phút, D quay lại đón Tuấn A, khi đến trước cửa số nhà A T thấy Công an vào kiểm tra nên D gọi điện thoại thông báo cho D1 biết rồi đi về. Sau khi nhận được thông tin từ D, D1 mang đĩa sử dụng ma túy Ketamine vào rửa sạch rồi mang ra cất trên kệ cùng thẻ cứng, vất ống hút trong nhà vệ sinh. Sau đó bị Cơ quan công an kiểm tra bắt giữ.

Tại Cơ quan công an, Nguyễn Văn D1, Phạm Ánh D, Trần Tuấn A khai nhận hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy như đã nêu trên.

Xét nghiệm ma túy trong nước tiểu của Nguyễn Văn D1, Phạm Ánh D, Trần Tuấn A kết quả: Nguyễn Văn D1 dương tính với chất ma túy KET, MDMA, MET; Phạm Ánh D, Trần Tuấn A dương tính với chất ma túy KET. Nguyễn Văn D1, Phạm Ánh D, Trần Tuấn A không trong diện quản lý người nghiện, người sử dụng ma túy, người điều trị nghiện các chất ma túy bằng thuốc thay thế.

Ngoài ra, D1 khai nhận đã mua 01 chỉ Ketamine và 02 viên thuốc lắc của người sử dụng tài khoản Signal số điện thoại 037949xxxx (D1 lưu trong danh bạ điện thoại là "1") để cùng sử dụng với D tại văn phòng của D1 vào ngày 16/12/2025.

Mở rộng điều tra, Cơ quan công an đã tiến hành rà soát, bắt giữ Nguyễn Hồng Q1 đang mang ma túy đi bán cho khách tại khu vực trước cửa số nhà A T. Quá trình điều tra xác định, Q1 là người sử dụng số điện thoại 037949xxxx đã bán ma túy cho D1 vào ngày 16/12/2025.

*** Về hành vi mua bán trái phép chất ma túy**

Khoảng năm 2021, thông qua mối quan hệ xã hội Q1 quen một người phụ nữ sử dụng tài khoản Signal "Thương Sin". Q1 được "Thương Sin" thuê đi giao ma túy cho khách mua với tiền công 300.000 đồng - 400.000 đồng/1 đơn. Sau đó sợ bị phát hiện, Q1 không đi giao ma túy nữa. Đến cuối năm 2025, do không có tiền tiêu Q1 tiếp tục liên hệ với "Thương Sin" để nhận việc đi giao ma túy cho khách và được "Thương Sin" trả công 300.000 đồng/ 01 đơn. Khách mua ma túy liên hệ trực tiếp với "Thương Sin", sau đó "Thương S" sẽ để ma túy tại các vị trí ngoài đường, gửi vị trí và địa chỉ của khách để Q1 đến lấy ma túy và đi gửi cho khách. Nếu có khách đặt mua ma túy của Q1, Q1 sẽ báo số lượng cho "Thương S" đồng thời chuyển tiền mua ma túy vào tài khoản ngân hàng M2 số 8000220xxxx cho "Thương Sin". Q1 được trả thêm 500.000 đồng/ 1 đơn khi có

khách liên hệ mua trực tiếp từ Q1. Tiền công bán ma túy được trả bằng tiền mặt và được gửi cùng với đơn hàng ma túy vào ngày hôm sau. Q1 đã được "Thương Sin" trả khoảng 3.000.000 đồng cho các đơn ma túy đã giao cho khách. Trong đó, Nguyễn Hồng Q1 đã bán ma túy cho Nguyễn Quang T2 (là bạn cùng quê với Q1) 3 lần; Q1 nhờ T2 giới thiệu khách mua ma túy, hứa hẹn sẽ trả công cho T2 khi giới thiệu khách mua.

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 06/01/2026, T2 nhận được tin nhắn từ tài khoản Telegram "Cương Ca" hỏi mua hộ 01 gói nước vui, 01 chỉ Ketamine, nhưng nợ trả tiền sau, hẹn giao ma túy tại đầu ngõ B Cầu G, Hà Nội. "Cương C" nhờ T2 trả tiền hộ và hẹn mai sẽ trả tiền cho T2. Sau đó, T2 chụp ảnh tin nhắn mua ma túy của "Cương ca" gửi cho Q1, Q1 báo giá 7.300.000 đồng, T2 đồng ý và hẹn chuyển tiền mua ma túy sau. Q1 liên hệ với "Thương Sin" qua ứng dụng Signal báo có khách lấy ma túy. "Thương sin" giao cho Q1 thêm 02 đơn ma túy để ship cho khách. Sau đó "Thương S" giấu ma túy ở gốc cây gần cửa hàng tiện lợi GS25 trên phố D và chụp ảnh, gửi cho Q1 biết vị trí cất giấu. Q1 điều khiển xe mô tô Honda Vision BKS: 29P1-xxx.xx đến vị trí giấu ma túy, lấy ma túy và đi giao cho khách, cụ thể:

- Khách thứ nhất: Tại đầu ngõ B Cầu G, Hà Nội, người mua ma túy là khách của T2. Q1 dán gói ma túy lên cột điện ở đầu ngõ, sau đó chụp ảnh, đánh dấu vị trí gửi cho T2 biết. Sau đó, T2 gửi lại ảnh cho "Cương C" đến lấy ma túy. T2 chưa trả tiền cho Q1.

- Khách thứ hai: Tại ngõ C D, người mua là khách của "Thương Sin". Q1 mang gói ma túy giấu tại chân cột biển ngõ, chụp ảnh, đánh dấu vị trị bằng cách khoanh tròn đỏ rồi gửi lại Thương S để báo cho khách.

Khi Q1 mang ma túy đến số A T đang tìm chỗ cất giấu ma túy để giao cho khách thứ ba (khách của "Thương Sin") thì bị Cơ quan công an kiểm tra, thu giữ gói ma túy.

Ngoài ra, Q1 khai nhận: Ngày 16/12/2025, Q1 đã mang ma túy giao cho khách của "Thương Sin" tại khu vực trước số nhà A T.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Hồng Q1 và Nguyễn Quang T2 thừa nhận hành vi mua bán ma túy như đã nêu trên.

Xét nghiệm ma túy trong nước tiểu của Nguyễn Hồng Q1 và Nguyễn Quang T2 kết quả: Nguyễn Hồng Q1 dương tính với chất ma túy KET; Nguyễn Quang T2 âm tính với các chất ma túy. Nguyễn Hồng Q1 không trong diện quản lý người nghiện, người sử dụng ma túy, người điều trị nghiện các chất ma túy bằng thuốc thay thế.

Kiểm tra điện thoại của Nguyễn Hồng Q1 và Nguyễn Quang T2 phát hiện tin nhắn trao đổi mua bán ma túy, trong danh bạ điện thoại của T2 lưu

“Cương Ca” sử dụng số điện thoại 093123xxxx.

Tra cứu thông tin chủ thuê bao số 093123xxxx, xác định Chủ thuê bao là: Nguyễn Ngọc C1 (sinh năm 1985, HKTT: Căn 2xxx HH2B Ecolake V Đ, phường Đ, Hà Nội). Tại Cơ quan điều tra, C1 khai: Đầu năm 2025, C1 cho Nguyễn Văn L (sinh năm 1988, địa chỉ thôn L, xã P, Hà Nội) - nhân viên làm việc tại bãi trông xe của C1 mượn số điện thoại 093123xxxx để đăng ký tài khoản Telegram, nhằm mục đích liên lạc với khách, quản lý bãi xe, sau này L nghỉ làm sẽ trả lại tài khoản cho C1 để quản lý, liên lạc với khách. C1 và L có quen biết với T2. Lời khai của C1 phù hợp với lời khai của Nguyễn Văn L. Ngoài ra, L khai nhận: Tối ngày 06/01/2026, L sử dụng tài khoản Telegram, đăng ký bằng số điện thoại 093123xxxx nhắn tin cho T2 nhờ mua hộ 01 gói nước vui và 01 chỉ ketamine, hẹn giao đến ngõ B Cầu G. Sau đó L nhận được tin nhắn của T2 gửi ảnh chụp nơi giấu ma túy. Khoảng 22 giờ cùng ngày, L đến vị trí T2 gửi và lấy ma túy, thuê xe chở đến phố N để tìm phòng thuê sử dụng ma túy. Khi đến đầu phố N, L thấy xe ô tô của Công an phường đi tuần tra do sợ bị bắt nên đã ném ma túy vừa mua được xuống sông T rồi đi về. L đã xóa toàn bộ tin nhắn trong Telegram đã nhắn với T2, L chưa thanh toán tiền cho T2. Việc L nhắn tin mua ma túy của T2, C1 không biết, không tham gia. Xét nghiệm ma túy trong nước tiểu của Nguyễn Ngọc C1 và Nguyễn Văn L kết quả: Âm tính với các chất ma túy. Do đó Cơ quan điều tra không xử lý đối với Nguyễn Ngọc C1, Nguyễn Văn L. L tự nguyện giao nộp số tiền mua ma túy là 7.300.000 đồng cho Cơ quan điều tra.

Đối với hành vi bán ma túy, sử dụng trái phép chất ma túy ngày 16/12/2025 và những lần khác, ngoài lời khai của các bị cáo không có tài liệu, chứng cứ nào khác nên không có căn cứ xử lý.

Đối với đối tượng “Thương Sin”, Cơ quan điều tra đã xác minh tại Cục P, truyền hình và thông tin điện tử - Bộ V cung cấp: Signal là nền tảng tin nhắn được vận hành bởi công ty nước ngoài và không có hiện diện pháp lý tại Việt Nam, chưa thông báo thông tin liên hệ tại Việt Nam (S2 không tiết lộ nơi họ thuê văn phòng công ty hoặc pháp nhân đứng tên thuê văn phòng) nên không có căn cứ xác minh làm rõ.

Xác minh tài khoản ngân hàng TMCP H5 số 8000220xxxx, chủ tài khoản là Đỗ Huy H3 (sinh ngày 03/09/2003, HKTT: TDP 2 M, phường T, Hà Nội). Tại Cơ quan điều tra, Đỗ Huy H3 khai: Bản thân H3 không đăng ký, sử dụng số tài khoản ngân hàng TMCP H5 số 8000220xxxx. H3 không quen biết Nguyễn Hồng Q1, không biết ai sử dụng tài khoản mạng xã hội Signal tên “Thương Sin”, không tham gia vào việc mua bán trái phép chất ma túy. Do đó không có căn cứ xử lý đối với H3.

Xác minh số điện thoại 037949xxxx, kết quả: Chủ thuê bao là bà Đinh Thị C2 (Sinh năm: 1983, HKTT: Xóm I, Y, Y, Ninh Bình). Bà C2 khai không đăng ký và sử dụng số điện thoại 037949xxxx, không quen biết Nguyễn Hồng Q1, không biết ai sử dụng tài khoản mạng xã hội Signal tên "Thương Sin", không tham gia vào việc mua bán trái phép chất ma túy. Do đó không có căn cứ xử lý đối với bà C2.

Đối với đối tượng đã cho D1 và D ma túy, do không có thông tin lai lịch nên không có căn cứ để xác minh làm rõ.

Đối với xe mô tô Honda Vision BKS: 22S1-xxx.xx, kết quả xác minh xác định: Chủ xe là chị Lê Thùy T (Sinh năm 1997, HKTT: Thôn Đ, T, Tuyên Quang) - vợ của D. Chị T cho D mượn xe để sử dụng hàng ngày, không biết D sử dụng xe máy để đi sử dụng trái phép chất ma túy. Cơ quan điều tra không thu giữ xe của chị T.

Đối với xe mô tô Honda Vision BKS: 29P1-xxx.xx, kết quả xác minh xác định: Chủ xe là bà Nguyễn Thị N1 (Sinh năm 1964, HKTT: Số A hẻm B ngách C ngõ F Hồ T, phường P, Hà Nội) - mẹ của Q1. Bà N1 cho Q1 mượn xe để sử dụng hàng ngày, không biết Q1 sử dụng xe để đi giao ma túy. Bà N1 đề nghị Cơ quan công an trả lại xe cho bà N1.

Tại bản cáo trạng số 130/CT- VKSKV4 ngày 17/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Hà Nội:

+ Các bị cáo **Phạm Ánh D, Nguyễn Văn D1** và **Trần Tuấn A** bị truy tố về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý", theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 255 Bộ luật hình sự.

+ Bị cáo **Nguyễn Hồng Q1** bị truy tố về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý", theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 251 Bộ luật hình sự.

+ Bị cáo **Nguyễn Quang T2** bị truy tố về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý", theo quy định tại khoản 1 điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội của mình, thành khẩn nhận tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quan điểm như cáo trạng truy tố và kết luận:

+ Các bị cáo **Phạm Ánh D, Nguyễn Văn D1** và **Trần Tuấn A** đã phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý", theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 255 Bộ luật hình sự.

+ Bị cáo **Nguyễn Hồng Q1** đã phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý", theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 251 Bộ luật hình sự.

+ Bị cáo **Nguyễn Quang T2** đã phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý", theo quy định tại khoản 1 điều 251 Bộ luật hình sự.

Sau khi đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, xem xét tình tiết giảm nhẹ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ:

Về hình phạt:

+ Đối với bị cáo Phạm Ánh D: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 BLHS, đề nghị mức án 7 năm 6 tháng – 8 năm tù.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Văn D1: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 BLHS, đề nghị mức án 7 năm 6 tháng – 8 năm tù.

+ Đối với bị cáo Trần Tuấn A: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 2 Điều 54 (phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án đồng phạm có vai trò không đáng kể) BLHS, đề nghị mức án 5 năm – 5 năm 6 tháng tù.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Hồng Q1: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, đề nghị mức án 7 năm 03 tháng – 7 năm 09 tháng tù.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Quang T2: Áp dụng khoản 1 Điều 251, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, đề nghị mức án 38 tháng – 42 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Xử lý vật chứng:

Căn cứ điều 106 BLTTHS, Điều 46, 47 BLHS:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 băng dính dùng lấy dấu vết, bụi dính trên miệng của Trần Tuấn A; 03 bông ngoáy tai dùng lấy dịch trong mũi, miệng của Trần Tuấn A; 02 đĩa sứ màu trắng, 03 thẻ cứng, 02 ống nhựa được đựng trong phong bì niêm phong.

- Tịch thu sung công:

+ 01 loa màu đen.

+ 01 đèn màu trắng;

+ 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 1000 đồng.

+ 01 điện thoại di động Iphone màu trắng số điện thoại 097128xxxx thu giữ của Nguyễn Văn D1

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Hồng Q1.

+ 01 điện thoại Iphone 15 Promax màu titan sim số 088965xxxx thu giữ của Nguyễn Quang T2.

+ Số tiền 7.300.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn L.

- Trả lại cho Nguyễn Văn D1: 01 điện thoại di động Iphone màu hồng số điện thoại 098658xxxx;

- Trả lại cho Trần Tuấn A: 01 điện thoại Iphone màu xám, số điện thoại 081539xxxx.

- Trả lại cho Nguyễn Hồng Q1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị N1: Xe mô tô Honda Vision và BKS: 29P1-xxx.xx.

- Truy thu Nguyễn Hồng Q1: 3.000.000 đồng

Về dân sự: Không

Về án phí hình sự: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn D1: không có ý kiến về phần tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo, riêng về phần hình phạt đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn D1 bởi các lý do sau: tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo D1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo D1 từng tham gia lực lượng công an nhân dân; Ông của bị cáo (em ruột của bà ngoại bị cáo) - ông Phí Xuân B là liệt sĩ; Bà nội bị cáo - bà Bùi Thị M1 là người có công với cách mạng; Ông nội bị cáo là ông Nguyễn Văn T6 được tặng thưởng Huy chương kháng chiến; Ông ngoại bị cáo – ông Trần Văn C3 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến.Vì vậy, kính mong HĐXX xem xét cho bị cáo D1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất. Về vật chứng đã tạm giữ của bị cáo D1 là 01 điện thoại di động Iphone màu hồng số điện thoại 098658xxxx, đề nghị HĐXX trả lại chiếc điện thoại nêu trên cho bị cáo D1 do bị cáo không sử dụng vào hành vi phạm tội.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Tuấn A: không có ý kiến về phần tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo, riêng về phần hình phạt đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Trần Tuấn A bởi các lý do sau: bị cáo Tuấn A thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội lần đầu, là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể. Ông của bị cáo (em trai ruột của ông ngoại bị cáo) – ông Cao Xuân H4 là liệt sĩ, được tặng thưởng Bằng Tổ quốc ghi công, Huân chương Chiến sĩ Giải phóng, Huân chương Q, Bảng vàng Danh dự. Vì vậy, kính mong HĐXX xem xét cho bị cáo Tuấn A được hưởng tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; khoản 2, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, cho bị cáo được hưởng mức án dưới khung hình phạt. Về vật chứng đã tạm giữ của bị cáo, đề nghị HĐXX tuyên trả lại cho bị cáo Tuấn A 01 điện thoại Iphone màu xám, số điện thoại 081539xxxx do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Các bị cáo không tham gia tranh luận với Đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng các bị cáo thấy ăn năn về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố H, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Hà Nội và của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 15 giờ 45 phút ngày 06/01/2026, tại P số nhà A T, phường C, Hà Nội, Trần Tuấn A, Nguyễn Văn D1, Phạm Ánh D đã có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý. Trong đó: Phạm Ánh D là người rủ Tuấn A và D1 cùng sử dụng ma túy, cung cấp ma túy để cả nhóm sử dụng; Nguyễn Văn D1 cung cấp ma túy, địa điểm, công cụ sử dụng; D, Tuấn A và D1 cùng góp sức xào ma túy, kẻ ma túy để cả nhóm sử dụng.

Khoảng 21 giờ 42 phút cùng ngày, Nguyễn Quang T2 đã giúp Nguyễn Hồng Q1 bán 01 chỉ Ketamine và 02 viên ma túy dạng kẹo cho Nguyễn Văn L với giá 7.300.000 đồng, giao ma tuý tại khu vực cột điện ở đầu ngách B Cầu G, Hà Nội. Ngoài ra, cùng ngày, Q1 đã giúp đối tượng "Thương Sin" bán ma túy cho khách mua tại ngõ C D và đang mang 1,522 gam ma túy Ketamine; 1,228 gam ma túy MDMA giao cho khách tại số A T thì bị Cơ quan Công an bắt giữ. Q1 hưởng lợi bất chính 3.000.000 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo **Phạm Ánh D, Nguyễn Văn D1** và **Trần Tuấn A** đã phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý". Tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 điều 255 Bộ luật Hình sự.

Hành vi nêu trên của bị cáo **Nguyễn Hồng Q1** đã phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý". Tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 điều 251 Bộ luật hình sự.

Hành vi nêu trên của bị cáo **Nguyễn Quang T2** đã phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý". Tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 251 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Hà Nội là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền kiểm soát các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng. Các bị cáo nhận thức rõ việc sử dụng và mua bán ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố tình thực hiện. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[4] Xét vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy: Bị cáo Phạm Ánh D là người khởi xướng việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, giữ vai trò chính, là người chuẩn bị ma túy cho các bị cáo Nguyễn Văn D1 và Trần Tuấn A cùng sử dụng. Bị cáo D1 là người chuẩn bị địa điểm sử dụng ma túy, cung cấp thêm ma túy khi đã sử dụng hết lượng ma túy từ D và chuẩn bị các công cụ để sử dụng ma túy. Bị cáo Tuấn A chỉ tham gia sử dụng ma túy, không bàn bạc, đóng góp gì nên có vai trò giúp sức không đáng kể.

Về hành vi mua bán trái phép chất ma túy: các bị cáo Nguyễn Hồng Q1 và Nguyễn Quang T2 có vai trò độc lập, đều thực hiện hành vi mua bán ma túy. Bị cáo Q1 được hưởng lợi 3.000.000 đồng tiền bán ma túy.

Về nhân thân của các bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Văn D1 và Nguyễn Quang T2 có nhân thân xấu: Bị cáo D1 có 01 tiền án về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo T2 từng bị xử phạt về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, đã được xóa án tích. Các bị cáo còn lại, nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với từng bị cáo:

- Bị cáo D1: bị cáo D1 từng tham gia lực lượng công an nhân dân; Ông của bị cáo (em ruột của bà ngoại bị cáo) - ông Phí Xuân B là liệt sĩ; Bà nội bị cáo - bà Bùi Thị M1 là người có công với cách mạng; Ông nội bị cáo là ông Nguyễn Văn T6 được tặng thưởng Huy chương kháng chiến; Ông ngoại bị cáo – ông Trần Văn C3 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến.

- Bị cáo Tuấn A: bị cáo phạm tội lần đầu, là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể (bị cáo Tuấn A được mời để sử dụng ma túy, không bàn bạc, đóng góp gì). Ông của bị cáo (em trai ruột của ông ngoại bị cáo) – ông Cao Xuân H4 là liệt sĩ, được tặng thưởng Bằng Tổ quốc ghi công, Huân chương Chiến sĩ Giải phóng, Huân chương Q, Bảng vàng Danh dự.

- Bị cáo Q1: Tại cơ quan điều tra, bị cáo Q1 tự thú hành vi mua bán trái phép chất ma túy của hai lần trước đó trong cùng một ngày; Gia đình có hoàn cảnh khó khăn, mẹ già yếu bệnh tật, bố mất sớm, bị cáo là lao động chính trong gia đình.

- Bị cáo T2: bị cáo T2 không được hưởng lợi.

Do vậy, các bị cáo D, D1, Tuấn A, Q1 và T2 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Phạm Ánh D, Trần Tuấn A, Nguyễn Hồng Q1, Nguyễn Quang T2 không phải chịu tình tiết tăng nặng. Bị cáo Nguyễn Văn D1 phải chịu tình tiết tăng nặng do thuộc trường hợp tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy: Đối với bị cáo Trần Tuấn A có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu, là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể - do vậy, áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự để tuyên bị cáo Tuấn A một mức án dưới khung hình phạt cũng đủ để răn đe, giáo dục. Đối với bị cáo Nguyễn Văn D1, bị cáo không giữ vai trò chính trong vụ án, tuy nhiên, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Do vậy, bị cáo D1 phải chịu mức án cao hơn so với các bị cáo Phạm Ánh D và Trần Tuấn A.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án:

Về vật chứng đã bàn giao cho Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Hà Nội và Phòng Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội là:

- 01 (Một) Phong bì niêm phong dán kín các mép, có chữ ký của GĐV Lê Khắc N4, cán bộ CA Nguyễn Văn T7, đương sự Nguyễn Hồng Q1. Phong bì niêm phong không đóng dấu của Công An – cần tịch thu tiêu hủy do có chứa số ma túy.

- 01 (Một) Hộp niêm phong dán kín các mép, có chữ ký của GĐV Lê Khắc N4, cán bộ CA Nguyễn Văn T7, đương sự Nguyễn Văn D1, Trần Tuấn A.

Hộp niêm phong có đóng dấu của C – cần tịch thu tiêu hủy do bên trong có chứa 02 đĩa sứ màu trắng, 03 thẻ cứng và 02 ống nhựa.

- 02 (Hai) Phong bì niêm phong không đóng dấu của C – cần tịch thu tiêu hủy do bên trong có 01 băng dính dùng lấy dấu vết, bụi dính trên miệng của Trần Tuấn A và 03 bông ngoáy tai dùng lấy dung dịch trong mũi, miệng của Trần Tuấn A.

- 02 (Hai) Phong bì niêm phong dán kín các mép, có chữ ký của GĐV Lê Khắc N4, cán bộ CA Nguyễn Văn T7, đương sự Trần Tuấn A và Nguyễn Văn D1 – cần tịch thu sung quỹ nhà nước do bên trong có chứa 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng.

- 01 (Một) Điện thoại di động Iphone màu trắng, gắn 01 sim (Tại thời điểm bàn giao. Máy đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng, tình trạng máy, không xác định được số sim); 01 (Một) Điện thoại Iphone 15 Promax màu titan tự nhiên, gắn 01 sim (Tại thời điểm bàn giao. Máy đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng, tình trạng máy, không xác định được số sim); 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh (Tại thời điểm bàn giao. Máy đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng, tình trạng máy); 01 (Một) Loa màu đen hình tròn đã qua sử dụng; 01 (Một) Đèn màu trắng hình tròn đã qua sử dụng; Số tiền 7.300.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn L – cần tịch thu sung quỹ nhà nước do có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

- 01 (Một) Điện thoại di động Iphone màu hồng, gắn 01 sim (Tại thời điểm bàn giao. Máy đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng, tình trạng máy, không xác định được số sim) – cần trả lại cho bị cáo D1 do không liên quan đến hành vi phạm tội.

- 01 (Một) Điện thoại di động Iphone màu xám, gắn 01 sim (Tại thời điểm bàn giao. Máy đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng, tình trạng máy, không xác định được số sim) – cần trả lại cho bị cáo Tuấn A do không liên quan đến hành vi phạm tội.

- 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen (Tại thời điểm bàn giao. Máy đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng, tình trạng máy) – cần trả lại cho bị cáo Q1 do không liên quan đến hành vi phạm tội.

- 01 (Một) Xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu xanh, mang biển kiểm soát số 29P1-xxx.xx. Xe có số máy: JK03E-760xxxx, Số khung: RLHJK0321MZ09xxxx là số nguyên thủy (Xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng, tình trạng xe - Thông số xe như Kết luận giám định số 3616/KL-KTHS ngày 22/4/2026 của Phòng K - Công an thành phố H); 01 (Một) Biển kiểm soát: 29P1-xxx.xx - cần trả lại cho bà Nguyễn Thị N1 do chiếc xe nêu trên

là của bà N1, bị cáo Q1 mượn xe của bà N1 để đi lại, việc bị cáo Q1 thực hiện hành vi phạm tội, bà N1 không biết và không liên quan.

Buộc bị cáo Nguyễn Hồng Q1 phải nộp lại số tiền 3.000.000 đồng thu lợi bất chính để sung công quỹ Nhà nước.

[7] Về dân sự: Không.

[8] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Người bào chữa cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

Các bị cáo Phạm Ánh D, Nguyễn Văn D1 và **Trần Tuấn A phạm tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý*".**

Các bị cáo Nguyễn Hồng Q1 và **Nguyễn Quang T2 phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma tuý*".**

1. Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Ánh D 07 *(Bảy)* năm 04 *(B1)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/01/2026.

Hình phạt bổ sung: Không.

2. Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D1 07 *(Bảy)* năm 06 *(S1)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/01/2026.

Hình phạt bổ sung: Không.

3. Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 2 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Trần Tuấn A 05 *(Năm)* năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/01/2026.

Hình phạt bổ sung: Không.

4. Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng Q1 07 *(B2)* năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/01/2026.

Hình phạt bổ sung: Không.

5. Áp dụng: khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T2 03 *(Ba)* năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/01/2026.

Hình phạt bổ sung: Không.

6. Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (Một) Hộp niêm phong dán kín các mép, có chữ ký của GĐV Lê Khắc N4, cán bộ CA Nguyễn Văn T7, đương sự Nguyễn Văn D1, Trần Tuấn A. Hộp niêm phong có đóng dấu của Công An.

+ 02 (Hai) Phong bì niêm phong không đóng dấu của Công An.

+ 01 (Một) Phong bì niêm phong dán kín các mép, có chữ ký của GĐV Lê Khắc N4, cán bộ CA Nguyễn Văn T7, đương sự Nguyễn Hồng Q1. Phong bì niêm phong không đóng dấu của Công An.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ 02 (Hai) Phong bì niêm phong dán kín các mép, có chữ ký của GĐV Lê Khắc N4, cán bộ CA Nguyễn Văn T7, đương sự Trần Tuấn A và Nguyễn Văn D1;

+ 01 (Một) Điện thoại di động Iphone màu trắng, gắn 01 sim (Tại thời điểm bàn giao. Máy đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng, tình trạng máy, không xác định được số sim).

+ 01 (Một) Điện thoại Iphone 15 Promax màu titan tự nhiên, gắn 01 sim (Tại thời điểm bàn giao. Máy đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng, tình trạng máy, không xác định được số sim).

+ 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh (Tại thời điểm bàn giao. Máy đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng, tình trạng máy).

+ 01 (Một) Loa màu đen hình tròn đã qua sử dụng.

+ 01 (Một) Đèn màu trắng hình tròn đã qua sử dụng.

+ Số tiền 7.300.000 đồng tiền tang vật vụ án. *(Hiện số tiền này Phòng Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội quản lý theo Giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 18/5/2026).*

- Trả lại các vật chứng sau:

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn D1: 01 (Một) Điện thoại di động Iphone màu hồng, gắn 01 sim (Tại thời điểm bàn giao. Máy đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng, tình trạng máy, không xác định được số sim).

+ Trả lại cho bị cáo Trần Tuấn A: 01 (Một) Điện thoại di động Iphone màu xám, gắn 01 sim (Tại thời điểm bàn giao. Máy đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng, tình trạng máy, không xác định được số sim).

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hồng Q1: 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen (Tại thời điểm bàn giao. Máy đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng, tình trạng máy).

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị N1: 01 (Một) Xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu xanh, mang biển kiểm soát số 29P1-xxx.xx. Xe có số máy: JK03E-760xxxx, Số khung: RLHJK0321MZ09xxxx là số nguyên thủy (Xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng, tình trạng xe - Thông số xe như Kết luận giám định số 3616/KL-KTHS ngày 22/4/2026 của Phòng K - Công an thành phố H); 01 (Một) Biển kiểm soát: 29P1-xxx.xx.

(Các vật chứng trên hiện Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Hà Nội đang quản lý theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số: 436 ngày 13/5/2026).

Buộc bị cáo Nguyễn Hồng Q1 phải truy nộp tiếp số tiền thu lợi bất chính là 3.000.000 đồng.

Về dân sự: Không.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- VKSND khu vực 4 – Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- TT lý lịch-Sở Tư pháp TP . Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 4 – Hà Nội;
- Phòng THADS thành phố Hà Nội;
- Lưu HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thúy Anh